TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-3-2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;
2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 356/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2021 về việc: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2022/QĐXX-ST ngày 11 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tr, sinh năm 1991; trú tại: Số nhà 03, tổ 8, khu phố 3, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Dương – vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Th, sinh năm 1986; trú tại: Số nhà 03, tổ 8, khu phố 3, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Dương, hiện ông Th đang chấp hành án tại đội 30, phân trại 2, Trại giam A, thuộc xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương – vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 21/10/2021 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Tr trình bày:

Bà và ông Th là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã C, tỉnh Bình Dương vào năm 2017 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 131, cấp ngày 12/9/2017. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau

nên thường gây gổ, cãi vã, vợ chồng không còn lo lắng, quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay bà Tr nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Tr yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Th.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Tr và ông Th có 01 con chung là cháu A, sinh ngày 11/10/2018. Bà Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu A, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Tr không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai đề ngày 23/02/2022 và Biên bản lấy lời khai ngày 23/02/2022 bị đơn ông Th trình bày*:**

Ông Th và bà Tr là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã C, tỉnh Bình Dương vào năm 2017 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 131, cấp ngày 12/9/2017. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo ông Th trình bày, hiện nay ông và bà Tr không còn sống chung, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Th đồng ý ly hôn với bà Tr.

Về con chung: Ông Th và bà Tr có 01 con chung tên A, sinh ngày 11/10/2018. Ông Th đồng ý giao cháu A cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Th không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Th trình bày vợ chồng có 01 thửa đất và nhà. Ông không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản chung.

Về nợ chung: Ông Th không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do đó đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

+ Về nội dung vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Tr được ly hôn với ông Th; về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên A, sinh ngày 11/10/2018 cho bà Tr được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Bà Tr và ông Th là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/9/2017 tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Như vậy, hôn nhân giữa bà Tr và ông Th là hợp pháp.

Theo bà Tr trình bày: Năm 2019, ông Th bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên phạt 08 năm tù theo bản án số 91/2019/HSST ngày 13/11/2019. Hiện ông Th đang chấp hành án tại đội 30, phân trại 2, Trại giam A, thuộc xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Hiện nay vợ chồng bà không còn sống chung, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Th.

Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn hôn nhân giữa bà Tr và ông Th đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, ông Th cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Tr nên việc bà Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Tr được ly hôn với ông Th là có căn cứ chấp nhận. Do đó, xét thấy cần chấp nhận cho bà Tr được ly hôn với ông Th để sớm ổn định cuộc sống hôn nhân giữa hai bên theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Tr, ông Th đều thống nhất trình bày vợ chồng ông bà có 01 con chung tên A, sinh ngày 11/10/2018. Trong quá trình tham gia tố tụng, các đương sự đều có ý kiến giao con chung cho bà Tr được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà Tr hiện nay có công việc làm ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A. Xem xét đến việc đảm bảo sự phát triển ổn định về tâm, sinh lý của cháu A thì cần giao cháu Anh cho bà Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Bà Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Tr phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 28, 35 và 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tr đối với bị đơn ông Th về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

- Về hôn nhân: Bà Tr được ly hôn với ông Th.

- Về con chung: Giao con chung tên A, sinh ngày 11/10/2018 cho bà Tr được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ông Th không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà Tr không yêu cầu.

Ông Th được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung. Không ai được cản trở ông Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau này nếu có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Tr phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0004286 ngày 22/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương. Bà Tr đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND thị xã C;
- Chi cục THA dân sự thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

Đậu Thị Thảo

6